

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02-2021

V/v tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bình P, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường AL, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: phường AL, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1995; Địa chỉ nơi cư trú: xã TTH, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2020 và bản tự khai ngày 10/11/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Bình P trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Q cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AL, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Đến năm 2016 thì giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn từ mọi chuyện nhỏ nhất trong gia đình, từ sở thích, lối sống, tuổi tác, nghề nghiệp; mặt khác, không có sự cảm thông chia sẻ nên cuộc sống hôn nhân càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc. Đến giữa năm 2016, thì chị Q đã đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị không còn sống chung với nhau từ thời điểm đó. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Q do không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/12/2014, hiện cháu đang sống với chị Q, nay anh đồng ý để chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị Q chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị Q chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Phạm Thị Q, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Bình P được ly hôn với chị Phạm Thị Q; về con chung: giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/12/2014 cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng và anh P không phải cấp dưỡng do chị Q chưa có văn bản yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Bình P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Bình P và chị Phạm Thị Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh P thì cuộc sống vợ chồng của anh và chị Q không hạnh phúc từ năm 2016, do anh và chị Q có nhiều quan điểm khác biệt nhau, tình cảm vợ chồng bị lạnh nhạt nghiêm trọng, mạnh người nào người đó sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nên từ giữa năm 2016 thì hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh P và chị Q hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Bình P ly hôn với chị Phạm Thị Q.

[4] Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Bình P đồng ý để chị Phạm Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/12/2014 và anh không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Gia B từ khi anh P và chị Q không còn sống chung và hiện nay đều do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng và đề ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q chưa có văn bản yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Nếu chị Q có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Bình P cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị Phạm Thị Q không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình P, cho ly hôn giữa anh Nguyễn Bình P và chị Phạm Thị Q.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Chị Phạm Thị Q được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/12/2014.

2.2. Anh Nguyễn Bình P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Bình P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001465 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND P.AL, Q.BT, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Lương Bằng**